**BẢNG SỐ 2**

GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRỒNG CÂY LÂU NĂM
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Đơn vị tính: Đồng/m2

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên khu vực** | **Đồng Bằng** | **Trung Du** | **Miền núi** |
| 1 | - Các phường thuộc các quận: Ba Đình, Cầu Giấy, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hoàng Mai, Long Biên, Tây Hồ, Thanh Xuân | 252 000 |  |  |
| - Các phường thuộc quận Hà Đông: Nguyễn Trãi, Yết Kiêu, Quang Trung, Vạn Phúc, Phúc La, Mộ Lao, Văn Quán, Kiến Hưng, Hà Cầu, La Khê, Phú La, Dương Nội, Yên Nghĩa, Phú Lương, Phú Lãm và diện tích bên tả Sông Đáy của phường Đồng Mai |
| - Phía bờ Đông (bên tả) sông Nhuệ thuộc quận Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm |
| 2 | - Phía bờ Tây (bên hữu) sông Nhuệ thuộc quận Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm | 201 600 |  |  |
| 3 | - Các xã giáp ranh và thị trấn thuộc huyện: Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai | 189 600 |  |  |
| - Các phường thuộc quận Hà Đông: Biên Giang và diện tích phần bên hữu Sông Đáy của phường Đồng Mai |
| - Các phường: Viên Sơn, Phú Thịnh, Quang Trung thuộc thị xã Sơn Tây |
| - Toàn bộ huyện: Hoài Đức, Đan Phượng |
| 4 | - Địa bàn còn lại huyện: Thanh Trì, Gia Lâm, Thanh Oai | 158 000 |  |  |
| - Toàn bộ các huyện: Đông Anh, Mê Linh, Chương Mỹ, Phú Xuyên, Thường Tín, Phúc Thọ, Ứng Hòa |
| 5 | - Địa bàn còn lại thuộc thị xã Sơn Tây | 158 000 | 98 000 | 68 000 |
| - Toàn bộ huyện: Thạch Thất, Quốc Oai |
| 6 | - Toàn bộ huyện Sóc Sơn | 126 000 | 78 000 |  |
| 7 | - Toàn bộ huyện: Mỹ Đức, Ba Vì | 126 000 | 78 000 | 54 400 |